

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT VỀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VIỆT NAM ¹

GS.TSKH. VŨ QUỐC PHỒNG
Đại học Ohio, Mỹ

LTS. GS. TSKH. Vũ Quốc Phồng hiện giảng dạy tại Đại học Ohio, là một nhà khoa học có nhiều tâm huyết đối với sự nghiệp giáo dục đại học Việt Nam. Mời đây GS cố gửi cho chúng tôi bài viết "Hướng đi của giáo dục đại học Việt Nam" để khuyến nghị về những vấn đề nên làm và có thể làm được. Do hạn chế của tạp chí có hạn, chúng tôi trích đăng một số khuyến nghị của GS. Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

Nền giáo dục Việt Nam, đặc biệt là giáo dục đại học (ĐH), vẫn đang tiếp tục là mối quan tâm của công chúng. Trong bài viết này, tôi muốn đề xuất một số biện pháp cụ thể, những "việc cần làm ngay", mà theo thiên ý của tôi, sẽ có tác dụng nhanh làm cho nền giáo dục ĐH của đất nước phát triển tốt hơn.

Những đề xuất trong bài viết này một phần dựa trên những điều tôi quan sát từ thực tế ở các trường ĐH ở Việt Nam, cũng như ở các trường ĐH ở Liên Xô (cũ), Mỹ, CHLB Đức, Pháp, Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc (và một số nước khác), nơi tôi đã có dịp học tập, nghiên cứu và giảng dạy. Tôi cho rằng cách tốt nhất để chúng ta đi đúng hướng và rút ngắn thời gian cần thiết là sử dụng, không sao chép máy móc mà có tính đến những điều kiện cụ thể, những kiến thức và kinh nghiệm trong giáo dục đại học mà loài người đã tích lũy được.

1. Đại học tư thực vì lợi nhuận và phi lợi nhuận.

Một trong những mục tiêu của giáo dục là *tiếp cận được*, nói một cách nôm na, *những học sinh có nhu cầu học (ở trình độ tương xứng) thì được nhận vào học và có thể học được*. "Tiếp cận được" còn được gọi là "phổ cập", song từ "phổ cập" thường được hiểu như là tiếp cận được hoàn toàn, còn "tiếp cận được" nói lên mục tiêu để vươn tới.

Ở nước ta, vấn đề tiếp cận được của giáo dục ĐH chủ yếu vẫn là số trường đại học còn ít và quy mô nhỏ (so với dân số), và một hệ thống thi tuyển vào đại học có nhiều điểm bất cập.

Trong khoảng 10 năm trở lại đây, ở Việt Nam nhiều trường ĐH, cao đẳng (CĐ) mới được mở ra,

đa số là trường tư thực vì lợi nhuận. Một số trường tư thực vì lợi nhuận tuyên bố rằng hoạt động giáo dục của họ là phi lợi nhuận. Nhưng đó chỉ là lời nói, là khẩu hiệu quảng cáo, không được bảo đảm bởi các khung pháp lí, do đó trên thực tế tất cả những trường đó vẫn là trường vì lợi nhuận.

Cần xác định các mặt hạn chế về nội tại của loại trường vì lợi nhuận. Một là, các nội dung giảng dạy sẽ dễ chạy theo xu hướng thỏa mãn các nhu cầu ngắn hạn của thị trường lao động, rất hạn chế các đầu tư nghiên cứu khoa học. Hai là, cách điều hành hoàn toàn theo mô hình công ty dễ dẫn đến các trường vì lợi nhuận sẽ hy sinh chất lượng giảng dạy, chạy theo thuê các giảng viên kiêm nhiệm để trả tiền công rẻ và để không bị các ràng buộc lâu dài. Ba là, thiếu đội ngũ giảng viên chính thức, những trường tư thực vì lợi nhuận sẽ khó có thể phát triển các chương trình học một cách có hệ thống và có chất lượng. Bốn là, không thể kêu gọi các nhà từ thiện đóng góp cho trường, trong khi lại còn phải trả cổ tức cho các cổ đông, làm hạn chế đáng kể các khả năng đầu tư để phát triển trường.

Vì những nguyên nhân đó, các trường ĐH tư vì lợi nhuận chỉ có thể đóng góp một phần nào đó vào sự nghiệp giáo dục đại học, chứ không thể đóng vai trò trụ cột được. Nếu không xác định được như vậy, chúng ta có thể dễ xảy ra tình trạng nhà nước không quan tâm đầu tư đúng mức để phát triển các trường ĐH công lập và ĐH tư thực phi lợi nhuận.

Quan sát giáo dục ĐH ở các nước trên thế giới, tôi có nhận xét là không có nước nào có nhiều các trường tư thực vì lợi nhuận như ở Việt Nam.

1. Đầu đề do Ban biên tập đặt

Thật vậy, ở Mỹ là nơi khởi xướng trào lưu kinh doanh giáo dục đại học, số sinh viên học ở các trường ĐH tư thục vì lợi nhuận chỉ chiếm chưa đến 6% (1 triệu SV/17,5 triệu). Ở các nước thuộc khối EU, cũng như ở hầu hết các nước châu Á phát triển như Nhật và Hàn Quốc, giáo dục đại học vì lợi nhuận hầu như không tồn tại. Giáo dục vì lợi nhuận phát triển hơn ở một số nước như Úc và Singapore, là những nước có chính sách xem giáo dục đại học như một ngành xuất khẩu tại chỗ, nhưng cũng chỉ chiếm một tỉ lệ rất nhỏ.

Trong khi đó, *hệ thống các trường tư thục phi lợi nhuận đóng vai trò rất quan trọng ở các nước phát triển, đặc biệt là Mỹ, Nhật, Hàn Quốc và Đài Loan*. Những trường tư thục phi lợi nhuận ở những nước này rất đa dạng, từ rất nhỏ đến rất lớn, trong đó có nhiều trường đại học nghiên cứu đứng hàng đầu thế giới (các trường khối Ivy League của Mỹ, ĐH Keio, ĐH Waseda ở Nhật, v.v...).

Bản chất vì lợi nhuận của ĐH tư thục ở Việt Nam đã được tác giả chỉ ra trong một bài viết đăng ở Vietnamnet tháng 2/2007 (<http://vietnamnet.vn/giaoduc/vande/2007/02/663447/>), với đề xuất "cần có những luật hướng dẫn chi tiết về việc thành lập, quản lý và điều hành các trường ĐH phi lợi nhuận". Tuy vậy, cho đến nay vẫn chưa có khuôn khổ pháp lý để ra đời các trường ĐH tư thục phi lợi nhuận.

Có thể có người cho rằng ở Việt Nam nói chung dân trí còn thấp, đặt ra quy định đó làm gì cho mất công. Nhưng nếu so sánh Việt Nam và Hàn Quốc là hai nước về văn hóa và lịch sử có nhiều điểm giống nhau, mà ở Hàn Quốc khoảng 70% các trường đại học là những trường tư phi lợi nhuận, thì vì lẽ gì mà ở Việt Nam lại không thể có những trường đại học tư thục phi lợi nhuận?

Hơn thế, tôi cho rằng nếu có một khung pháp lý tốt tạo điều kiện phát triển, các trường ĐH phi lợi nhuận sẽ sớm ra đời ở Việt Nam, và trong tương lai có thể trở thành trụ cột của nền giáo dục ĐH ở Việt Nam. Tại sao? Vì khả năng tài chính cũng như nguồn nhân lực trong cộng đồng, trong các tầng lớp doanh nhân, các công ty trong và ngoài nước, là rất lớn, và có nhiều bằng chứng cho thấy nhiều người sẵn sàng chia sẻ sự may mắn của mình để đạt được một mục đích tốt đẹp nào đó cho sự phát triển chung của xã hội. Các ví dụ về quỹ ITA của công ty Tân Tạo hay quỹ khuyến học Doãn Tới - An Giang là một trong rất nhiều những việc làm thiện nguyện gần đây.

Bên cạnh đó, cũng cần có những chính sách tốt để hỗ trợ các trường ĐH tư thục vì lợi nhuận, vì các trường đó : 1) được thành lập dưới sự bảo trợ

của chính sách Nhà nước, với mục đích phát triển giáo dục đại học, 2) đã và đang góp phần giúp giải quyết nhu cầu học của học sinh, và 3) làm tăng tính cạnh tranh giữa các trường đại học, là yếu tố tích cực để nâng cao chất lượng giáo dục đại học nói chung.

Thực tế là, trừ một vài trường hợp, như ĐH FPT hay ĐH Tân Tạo được các công ty cổ phần lớn đứng ra thành lập và điều hành, phần lớn các trường ĐH tư thục mới ra đời đều không có nguồn tài chính và nhân lực dồi dào đủ để duy trì và phát triển thành những trường ĐH lớn. Hệ quả là những trường ĐH đó hoặc là chưa có cơ sở vật chất gì đáng kể, hoặc chưa có một thành phần giảng viên và cán bộ quản lý đầy đủ, cả số lượng và chất lượng, hoặc thiếu cả hai.

Bên cạnh việc ngăn ngừa một số khuynh hướng thuần túy chạy theo lợi nhuận, chúng ta cần giúp các trường này phát triển tốt. Không có chính sách tốt giúp các trường tư thục vì lợi nhuận phát triển không những chúng ta làm cho các em học sinh của các trường đó bị thiệt thòi mà còn gây ảnh hưởng xấu, tác hại lớn đến thị trường lao động, đến kinh tế của những địa phương, nơi các trường đó đóng nói riêng, và kinh tế cả nước nói chung, và tất yếu là gây ảnh hưởng xấu đến nền giáo dục ĐH ở Việt Nam.

Các chính sách có thể áp dụng để giúp các trường vì lợi nhuận phát triển tốt là giảm việc cấp tín dụng ưu đãi cho học sinh theo học, cấp mã số miễn hoặc giảm thuế, và các chế độ ưu đãi, chế độ tài trợ gián tiếp khác, với mức độ công khai minh bạch về các hoạt động giảng dạy của trường, về tài chính, và mức độ hoàn thành trách nhiệm giải trình trước xã hội của các trường đó.

Những chính sách tốt như nói ở trên sẽ làm cho các đại học tư vì lợi nhuận đi đúng đường hơn, nhưng có lẽ không đủ để giúp các trường tư thục vì lợi nhuận ở Việt Nam phát triển thành các trường đại học lớn và có chất lượng. Cần nghiên cứu để đưa ra các mô hình hợp tác giữa tư nhân và xã hội, gọi là các *Liên minh công-tư* (Public-Private Partnership) trong giáo dục, tức là nhà nước trực tiếp đóng góp một phần tài sản và công sức như là một cổ đông lớn và giới thiệu các cá nhân có trình độ và kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan (những nhà hoạt động chính trị, kinh doanh, văn hóa, khoa học, xã hội,...) vào hội đồng trường.

Những Liên minh công-tư như nói ở trên không cần áp đặt đến các trường mà phải trên cơ sở tự

nguyên và các chính sách hợp lý để gắn kết lợi ích chung giữa xã hội và các nhà đầu tư.

Rất có khả năng một số trường tư thục đã ra đời sẽ muốn chuyển đổi thành trường phi lợi nhuận. Do đó, cần có cả khung pháp lý và các chính sách phù hợp để tạo điều kiện cho sự chuyển đổi này.

Khuyến nghị: a) *Ban hành, càng sớm càng tốt, quy chế đại học tư thục phi lợi nhuận và các chính sách để khuyến khích thành lập các trường ĐH tư thục phi lợi nhuận và chuyển đổi hình thức từ trường vì lợi nhuận sang trường phi lợi nhuận.*

b) *Ban hành quy chế Liên minh công-tư trong giáo dục đại học để làm cơ sở cho các chính quyền địa phương hoặc trung ương đóng góp vào các trường tư thục vì lợi nhuận và cử đại diện vào hội đồng trường.*

2. Tuyển sinh đại học

Mục tiêu tiếp cận được của giáo dục đại học sẽ không thể đạt được một cách tốt nhất, nếu thiếu một phương pháp tuyển sinh hợp lý và có hiệu quả.

Nói chung, có hai cách tuyển sinh đại học: 1) *tuyển qua một kì thi*, và 2) *chuyên viên tuyển chọn (admission officers system)*.

Mỗi phương pháp tuyển sinh có một số ưu điểm và nhược điểm, không có phương pháp nào hoàn hảo. Những nước có mạng lưới các trường đại học chưa đủ lớn, do đó có tỉ lệ "chọi" cao, như Brazil, Ấn Độ, Trung Quốc, Việt Nam... thường chọn phương pháp thi tuyển. Phương pháp tuyển sinh chỉ dựa vào thi tuyển có những mặt trái rất nghiêm trọng: 1) để ra nhiều trung tâm luyện thi và phụ đạo; 2) gia tăng bất công xã hội.

Việc có quá nhiều trung tâm luyện thi và học thêm gây ra một sự lãng phí ghê gớm tiền bạc và thời gian của học sinh. Hơn nữa, nó làm trầm trọng thêm sự bất bình đẳng giữa một bên là các gia đình ở thành thị hoặc gia đình khá giả, có điều kiện kinh tế hơn để cho con học thêm và có nhiều trung tâm luyện thi kinh nghiệm hơn, với một bên là nông thôn và nhà nghèo, không có những điều kiện như vậy.

Thông thường, những học sinh đã qua trung tâm luyện thi có kết quả thi tốt hơn, nhưng kết quả thi tốt do được luyện thi không phản ánh đúng thực chất năng lực của học sinh. Chủ tịch trường KAIST, một trong những trường đứng đầu của Hàn Quốc, đã nhận xét là, về tổng thể, các học sinh đạt điểm cao trong các kì thi vào trường KAIST, hoặc thậm chí trong các kì thi học sinh giỏi quốc gia, chỉ duy trì

sức học cao hơn những học sinh khác trong năm thứ nhất đại học, sau đó thì sụt dần và đến khi ra trường thì không còn sự khác nhau nào cả (http://cafe.naver.com/englishedudebate.cafe?iframe_url=/ArticleRead.nhn%3Farticleid=478).

Phương pháp sử dụng chuyên viên tuyển sinh được các trường đại học ở Mỹ áp dụng từ năm 1920. Từ đó đến nay, tất cả các trường đại học ở Mỹ đều sử dụng chuyên viên tuyển sinh, và ngày càng có nhiều nước áp dụng phương pháp này.

Lấy ví dụ Hàn Quốc, mặc dù số trường đại học tương đối nhiều và nhiều trường lớn (Hàn Quốc có hơn 200 trường đại học so với số dân 50 triệu), nhưng tỉ lệ "chọi" vào đại học vẫn cao. Khoảng từ 20 năm nay, các trường đại học ở Hàn Quốc được tự chọn phương pháp tuyển sinh dựa trên 3 yếu tố: 1) điểm CSAT; 2) học bạ (bao gồm điểm các kì học phổ thông và nhận xét của giáo viên); 3) các mặt khác. Mỗi yếu tố đó được gán một trọng số (tùy thuộc từng trường và khoa, thông thường là 0.4/0.4/0.2). CSAT, viết tắt của *College Scholastic Ability Test*, là một loại kiểm tra kiến thức chuẩn, gồm các môn tiếng Hàn (văn học), toán, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, tiếng Anh (một số môn như toán, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội có các lựa chọn khác nhau (<http://www.kice.re.kr/en/resources/abilityTest.jsp>), và được tổ chức mỗi năm một lần, vào tháng 11 hàng năm.

Để khắc phục tình trạng học sinh phải học thêm và luyện thi, và để tạo cơ hội bình đẳng hơn cho các tầng lớp học sinh khác nhau, tổng thống Hàn Quốc Lee Myung Bak đã tuyên bố một trong những mục tiêu trong nhiệm kì của ông, kết thúc vào 2013, là *100% học sinh của các trường đại học sẽ được tuyển chọn qua chuyên viên*. Để bắt đầu chương trình này, năm 2009 chính phủ Hàn Quốc tài trợ 23 tỉ won (20 triệu USD) cho những trường áp dụng phương pháp sử dụng chuyên viên tuyển chọn (<http://joongangdaily.joins.com/article/view.asp?aid=2903622>).

Ở Việt Nam, từ nhiều năm nay việc tuyển sinh đại học đều dựa hoàn toàn vào các kì thi đại học, chung cho tất cả các trường, được tổ chức vào mùa hè hàng năm. Hậu quả của hệ thống tuyển sinh đại học chỉ dựa vào kết quả của một kì thi, với những đề ra cứng nhắc, mang nhiều tính "đánh đố", nhiều rủi ro, là rất nhiều trung tâm luyện thi và học thêm ra đời.

Tuy nhiên, quyết định gần đây của Bộ GD & ĐT về việc "nhập hai vào một", tức là nhập kì thi đại học và kì thi tốt nghiệp phổ thông làm một, không phải là một giải pháp hay vì hai kì thi có mục đích

khác nhau, và thành phần học sinh dự thi khác nhau. Nếu kết hợp cả hai kì thi vào một thì nhiều khả năng cả hai mục đích sẽ không đạt được như mong muốn. Hơn nữa, giải pháp này không góp phần giải quyết “nạn” dạy thêm, học thêm, mà có thể sẽ làm nó gia tăng.

Mục tiêu của mọi cải cách về tuyển sinh là để tuyển đúng hơn, bảo đảm công bằng xã hội hơn và, đồng thời “giảm sự tổn kém và áp lực đối với học sinh”. Nhưng tổn kém lớn nhất không phải là ở kì thi vào đại học, mà ở sự bắt buộc phải học thêm ở các trung tâm phụ đạo và luyện thi.

Nói chung, không chỉ ở Việt Nam, mà ở rất nhiều nước trên thế giới, kể cả Mỹ, đều có những kì thi khá tốn kém và phải chấp nhận. Vấn đề là tổ chức như thế nào cho có hiệu quả, từ cách chọn hình thức thi, cách ra đề thi và chọn đề thi, đến cách chọn thời gian và địa điểm thi, tổ chức cho thi và chấm thi.

Hình thức thi viết với các đề thi gồm một số ít các câu hỏi, mỗi câu mang nhiều phần trăm điểm, ẩn chứa nhiều rủi ro, bởi vì “số phận” của nhiều học sinh phụ thuộc vào công việc của một nhóm nhỏ các chuyên gia ra đề. Chỉ cần những chuyên gia này sơ ý một chút, ra một đề sai, là làm ảnh hưởng đến kết quả thi của hàng trăm ngàn học sinh. Đó là chưa kể nếu đề thi, cho dù đúng cả về mặt nội dung, nhưng hoặc không nằm trong các phần bắt buộc của chương trình, hoặc mang tính chất đánh đố học sinh, thì hậu quả còn tai hại hơn. Mà ra đề sai là chuyện rất dễ xảy ra, ai từng phải ra đề thi đều đã ít nhất một vài lần chứng kiến thực tế đó.

Điều đó không có nghĩa là hoàn toàn phủ nhận giá trị của cách thi viết dạng tự luận (essay tests). Ví dụ, đối với những kì thi học sinh giỏi thì không có cách thi nào khác tốt hơn là thi tự luận. Tác giả chỉ muốn nhấn mạnh những rủi ro tiềm ẩn, và vì thế việc ra đề thi không thể theo tùy hứng của những chuyên gia ra đề mà cần phải tuân theo một số phương pháp.

Hình thức tốt hơn để tổ chức các kì thi đại trà cho số đông là tương tự như thi SAT ở Mỹ, dựa trên ngân hàng đề thi được phát triển qua nhiều năm với các câu hỏi dạng “trả lời ngắn” hoặc “trắc nghiệm” (multiple choice). Cách ra câu hỏi và các câu trả lời phải thỏa mãn các tiêu chí nhằm để đánh giá được một cách gần đúng nhất kiến thức của học sinh. Nhưng để làm được như thế đòi hỏi chi phí nhiều và phải phát triển liên tục. Hơn nữa, ngân hàng đề dễ bị lộ ra ngoài, do đó cách làm

này có lẽ không phù hợp với điều kiện ở Việt Nam hiện nay.

Hình thức thi CSAT ở Hàn Quốc là một giải pháp dung hòa giữa cách thi SAT ở Mỹ và cách thi truyền thống. Thi không bắt buộc, nhưng là cần thiết với những ai muốn nộp đơn vào các trường ĐH, CĐ. Không có ngân hàng đề thi, tất cả học sinh đều thi tất cả các môn trong một ngày, làm chung một đề (có một số ít lựa chọn khác nhau cho các loại ngành nghề khác nhau), và đề thi gồm có nhiều câu hỏi dạng “trả lời ngắn” hoặc trắc nghiệm.

Bộ GD và ĐT chỉ cần ban hành quy định chung về tuyển sinh để đảm bảo công khai và công bằng, giám sát việc thực hiện và làm “trọng tài”, nhường cho các trường đại học quyền được tự quyết định phương pháp tuyển sinh của họ. Quy định chung phải là việc tuyển chọn dựa trên các tiêu chí điểm thi của một kì thi tương tự như CSAT, học bạ và các mặt khác (ví dụ như các hoạt động vì cộng đồng, các năng khiếu đặc biệt, tự sự, gia cảnh...). Bên cạnh một kì thi tương tự như CSAT, nên cho các trường quyền được tự tổ chức thi hoặc tự liên kết với nhau để tổ chức thi thêm, cho tất cả học sinh hay cho học sinh của một số khoa, nếu trường đó thấy cần thiết. Cho phép các trường được sử dụng chuyên viên tuyển sinh, nhưng cũng trên cơ sở công khai các tiêu chí.

Chính sách chung về tuyển sinh đại học cần phải đảm bảo để thực hiện tốt mục tiêu tiếp cận được của giáo dục đại học, theo nghĩa chọn đúng các học sinh có khả năng học, và tạo các cơ hội học tập bình đẳng cho các học sinh.

Khuyến nghị: a) Áp dụng một kì thi tương tự như CSAT của Hàn Quốc, trên cả nước, chỉ vào 1 ngày, chung cho tất cả các học sinh muốn vào ĐH, CĐ, với một số lựa chọn đề tùy thuộc sở thích hoặc ngành học. Các đề thi bao gồm nhiều câu hỏi dạng “trả lời ngắn” và “trắc nghiệm”.

b) Cho phép các trường ĐH tự tổ chức tuyển sinh, theo nguyên tắc chung là công khai tiêu chí tuyển sinh kết hợp kết quả thi CSAT với học bạ và phỏng vấn.

(còn nữa)

SUMMARY

Based on the observations from universities in Vietnam, former Soviet union, USA, Germany, France, Japan, Taiwan, Korea and some other countries the author proposes some measures, 'to be done right-away', which would help the higher education to develop.